Sign In

UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
Số: 02/2001/TT-UBCK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 về phát hành cổ phiếu và trái phiếu ra công chúng

Thi hành Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn những vấn đề về phát hành cổ phiếu và trái phiếu ra công chúng để niêm yết tại thị trường giao dịch tập trung như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới dây được hiểu như sau:

1.1. Cổ phiếu bao gồm cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi, là một loại chứng khoán phát hành dưới dạng chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của người sở hữu cổ phiếu đối với tài sản hoặc vốn của một công ty cổ phần

1.2. Trái phiếu là một loại chứng khoán được phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ xác nhận nghĩa vụ trả nợ (bao gồm vốn gốc và lãi) của tổ chức phát hành trái phiếu đối với người sở hữu trái phiếu.

1.3. Cổ phiếu, trái phiếu ghi danh là loại cổ phiếu, trái phiếu có ghi tên người sở hữu.

1 4. Cổ phiếu, trái phiếu vô danh là loại cổ phiếu, trái phiếu không ghi tên người sở hữu.

1 5. Quyền mua cổ phần là quyền dành cho các cổ đông hiện tại của một công ty cổ phần được mua một số lượng cổ phần trong một đợt phát hành cổ phiếu phổ thông mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần hiện có của họ trong công ty.

1 6. Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo những điều kiện được xác định trước.

1. 7. Bảo lãnh phát hành là việc tổ chức bảo lãnh phát hành giúp tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục xây dựng và đệ trình hồ sơ xin phép phát hành trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại, hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết. Hoạt động bảo lãnh phát hành chỉ có nghĩa là tổ chức bảo lãnh phát hành bao tiêu chứng khoán cho tổ chức phát hành, không bao hàm việc tổ chức bảo lãnh phát hành thực hiện các nghĩa vụ đối với người đầu tư thay cho tổ chức phát hành.

1.8. Tổ chức phân phối là tổ chức thực hiện việc bán chứng khoán thông qua phương thức bảo lãnh phát hành, hoặc đại lý phát hành.

1.9. Đại lý phát hành là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, công ty tài chính nhận bán chứng khoán cho tổ chức phát hành trên cơ sở thỏa thuận hoặc thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành chính.

1.10. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là tổ chức kiểm toán cho tổ chức phát hành và kinh doanh chứng khoán.

1.11. Doanh nghiệp cổ *phần hóa* là doanh nghiệp nhà nước, hoặc các loại hình doanh nghiệp khác thực hiện cổ phần hóa.

1.12. Chứng quyền là một loại chứng khoán được phát hành kèm theo trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi, cho phép người nắm giữ chứng quyền được quyền mua một khối lượng cổ phiếu phổ thông nhất định theo một giá đã được xác định trước trong một thời kỳ nhất định.

1.13. Công ty niêm yết là công ty cổ phần có cổ phiếu phổ thông được niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán hoặc Sở Giao dịch chứng khoán.

2. Mệnh giá cổ phiếu và trái phiếu được ghi bằng Đồng Việt Nam. Cổ phiếu có mệnh giá thống nhất là 10.000 đồng. Trái phiếu có mệnh giá tối thiểu là 100.000 đồng hoặc bội số của 100.000 đồng. Trong một đợt phát hành trái phiếu của tổ chức phát hành, trái phiếu có cùng kỳ hạn thì phải có cùng mệnh giá.

3. Cổ phiếu, trái phiếu phát hành ra công chúng để giao dịch tại thị trường giao dịch tập trung được đăng ký tập trung tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán hoặc Sở Giao dịch chứng khoán.

4. Chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ trái phiếu phát hành ra công chúng phải gồm các nội dung chính sau đây:

4.1. Tên, trụ sở chính của tổ chức phát hành;

4.2. Số, ngày Giấy phép (hoặc Quyết định) thành lập và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

4.3. Loại, mệnh giá, số sê ri;

4.4. Số lượng cổ phần được phép phát hành (đối với cổ phiếu);

4.5. Lãi suất, kỳ hạn trả lãi, thời hạn trái phiếu (đối với trái phiếu);

4.6. Tên người sở hữu (trường hợp cổ phiếu, trái phiếu ghi danh);

4.7. Ngày phát hành;

4.8. Dấu và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức phát hành.

5. Trường hợp cổ phiếu, trái phiếu phát hành dưới dạng bút toán ghi sổ, người mua cổ phiếu, trái phiếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu.

6. Cổ phiếu, trái phiếu được bán cho các đối tượng sau đây:

6.1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

6.2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài.

7. Tỷ lệ cổ phiếu, trái phiếu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ trong một tổ chức phát hành thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

II. ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Điều kiện phát hành cổ phiếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với tổ chức phát hành phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng gồm:

1.1. Là công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa;

1.2. Mức vốn điều lệ tối thiểu thực có tính đến ngày xin phép phát hành là 10 tỷ đồng

1.3. Hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong 2 năm liên tục gần nhất tính đến ngày nộp hồ sơ xin phép phát hành, tình hình tài chính lành mạnh, có triển vọng phát triển. Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa, thời gian 2 năm nói trên bao gồm cả thời gian trước khi thực hiện cổ phần hóa;

1.4. Có phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành được Đại hội cổ đông thông qua;

1.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) có kinh nghiệm quản lý kinh doanh;

1.6. Tối thiểu 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành phải được bán cho trên người đầu tư ngoài tổ chức phát hành, trường hợp vốn cổ phần của tổ chức phát hành từ 100 tỷ đồng trở lên thì tỷ lệ tối thiểu này là 15% vốn cổ phần của tổ chức phát hành

1.7. Cổ đông sáng lập phải nắm giữ ít nhất 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành vào thời điểm kết thúc đợt phát hành và phải nắm giữ mức này tối thiểu 3 năm, kể từ ngày kết thúc đợt phát hành

1.8. Trường hợp cổ phiếu phát hành có tổng giá trị theo mệnh giá vượt 10 tỷ đồng thì phải có tổ chức bảo lãnh phát hành.

2. Công ty niêm yết khi phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6, 1.8 Mục II Thông tư này, còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

2.1. Lần phát hành thêm phải cách lần phát hành trước ít nhất 1 năm tính từ thời điểm được cấp Giấy phép phát hành;

2.2. Giá trị cổ phiếu phát hành thêm không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành. Giá trị cổ phiếu được tính theo mệnh giá.

3. Trường hợp phát hành cổ phiếu tăng vốn có kèm theo quyền mua cổ phần, phát hành cổ phiếu ưu đãi có kèm theo chứng quyền, tổ chức phát hành phải nêu rõ phương thức thực hiện quyền trong Bản cáo bạch bao gồm các nội dung sau đây:

3.1. Thời hạn thực hiện quyền;

3.2. Giá chuyển đổi, phương pháp tính toán;

3.3. Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần hoặc chứng quyền (nếu có).

III. ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Điều kiện phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11/7/1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với tổ chức phát hành phát hành trái phiếu ra công chúng gồm:

1.1. Là doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa, công ty trách nhiệm hữu hạn;

1.2. Mức vốn điều lệ tối thiểu thực có tính đến ngày xin phép phát hành là 10 tỷ đồng;

1.3. Hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong 2 năm liên tục gần nhất tính đến ngày nộp hồ sơ xin phép phát hành, tình hình tài chính lành mạnh, có triển vọng phát triển. Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa, thời gian 2 năm nói trên bao gồm cả thời gian trước khi thực hiện cổ phần hóa;

1.4. Có phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành được Hội đồng quản trị thông qua đối với công ty cổ phần; được Hội đồng thành viên thông qua đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; hoặc được cơ quan chủ quản chấp thuận đối với doanh nghiệp nhà nước;

1.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) có kinh nghiệm quản lý kinh doanh;

1.6. Tối thiểu 20% tổng giá trị trái phiếu xin phép phát hành phải được bán cho trên 100 người đầu tư; trường hợp tổng giá trị trái phiếu xin phép phát hành từ 100 tỷ đồng trở lên thì tỷ lệ tối thiểu này là 15% tổng giá trị trái phiếu xin phép phát hành;

1.7. Phải có tổ chức bảo lãnh phát hành, trừ trường hợp tổ chức phát hành là tổ chức tín dụng;

1.8. Có cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với người đầu tư;

1.9. Xác định đại diện người sở hữu trái phiếu.

2. Trái phiếu phát hành theo điểm 1 trên đây có thể là trái phiếu không có đảm bảo, trái phiếu có đảm bảo, trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.

3. Trái phiếu có thể được đảm bảo một phần hoặc toàn bộ bằng một trong hai phương thức sau:

3.1. Bảo lãnh thanh toán của Bộ Tài chính hoặc một tổ chức tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước;

3.2. Đảm bảo bằng tài sản đảm bảo của tổ chức phát hành hoặc một tổ chức thứ ba.

4. Trường hợp phát hành trái phiếu có đảm bảo theo quy định tại điểm 3.2 Mục III Thông tư này, tổ chức phát hành phải nêu rõ tỷ lệ đảm bảo và liệt kê chi tiết tài sản đảm bảo trong hồ sơ xin phép phát hành và có tài liệu hợp lệ chứng minh những tài sản đảm bảo này thuộc quyền sở hữu của mình (hoặc của tổ chức

thứ ba) và có đủ giá trị thanh toán trái phiếu. Tài sản đảm bảo phải đáp ứng các yêu cầu quy định tài các điểm 6, 7 và 8 Mục III của Thông tư này.

5. Tài sản được phép dùng để đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu có đảm bảo gồm:

5.1. Các loại trái phiếu Chính phủ;

5.2. Các loại trái phiếu khác được các tổ chức bảo lãnh thanh toán cả tiền gốc và lãi vô điều kiện;

5.3. Quyền sử dụng đất theo pháp luật về đất đai;

5.4. Nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất;

5.5. Các cơ sở sản xuất kinh doanh như: nhà máy, khách sạn, cửa hàng, nhà kho; các công cụ, máy móc thiết bị gắn liền với nhà máy, tầu biển, máy bay...

6. Tài sản dùng để đảm bảo quy định tại các điểm 5.4 và 5.5 Mục III Thông tư này phải có hợp đồng bảo hiểm.

7. Tài sản đảm bảo cho một đợt phát hành trái phiếu phải đáp ứng yêu cầu sau:

7.1. Giá trị tài sản đảm bảo tại các điểm *5.1* và 5.2 Mục III Thông tư này tối thiểu phải bằng tổng giá trị trái phiếu;

7.2. Giá trị tài sản đảm bảo tại các điểm 5.3, 5.4 và 5.5 Mục III Thông tư này tối thiểu phải bằng 1,5 lần của tổng số giá trị trái phiếu.

8. Việc đánh giá hoặc tính toán giá trị của tài sản đảm bảo phải được thực hiện như sau:

8.1. Tài sản đảm bảo tại các điểm *5.1* và 5.2 Mục III Thông tư này được tính theo giá thấp nhất của một trong các giá sau đây:

8.1.1. Giá thị trường;

8.1.2. Mệnh giá;

8.1.3. Giá mua tài sản đảm bảo đó bao gồm cả lãi hoặc phần chiết khấu được nhận cho đến ngày xin phép phát hành.

8.2. Tài sản đảm bảo tại các điểm 5.3, 5.4 và 5.5 Mục III Thông tư này phải do một cơ quan định giá tài sản có thẩm quyền đánh giá. Việc đánh giá này có giá trị không quá 12 tháng kể từ ngày định giá.

9. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, tổ chức phát hành phải nêu rõ điều khoản mua hoặc chuyển đổi trong hồ sơ xin phép phát hành bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

9.1. Điều kiện, thời hạn tiến hành mua và 1 hoặc chuyển đổi;

9.2. Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và 1 hoặc chuyển đổi;

9.8. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp tổ chức phát hành trái phiếu không phát hành được cổ phiếu để đáp ứng quyền mua và 1 hoặc chuyển đổi;